VIỆN KHOA HỌC
KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
**TRUNG TÂM**
**NGHIÊN CỨU THỦY VĂN VÀ HẢI VĂN**
———————— ~*~ ————————

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
————————o0o————————

# BẢN TIN DỰ BÁO MỰC NƯỚC VÀ SÓNG BIỂN

(Lúc 13 giờ – ngày 05/03/2022)

| Tỉnh/ TP | Huyện | Mực nước tổng cộng dự báo trong 48 giờ (cm) | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | 05/03 | | 06/03 | | | | 07/03 | | |
| | | 13h | 19h | 1h | 7h | 13h | 19h | 1h | 7h | 13h |
| Quảng Ninh | Đầm Hà | 111 | 22 | -41 | -48 | 57 | 33 | -4 | -35 | -13 |
| | Cửa Ông | 101 | 27 | -41 | -51 | 57 | 31 | 2 | -42 | 0 |
| TP. Hải Phòng | Hòn Dáu | 92 | 29 | -37 | -50 | 57 | 25 | 9 | -47 | 6 |
| | Bạch Long Vĩ | 93 | 20 | -37 | -44 | 55 | 26 | 3 | -44 | 1 |
| Thái Bình | Thái Thụy | 86 | 27 | -32 | -48 | 56 | 21 | 13 | -48 | 8 |
| Nam Định | Hải Hậu | 76 | 31 | -27 | -46 | 52 | 21 | 18 | -50 | 12 |
| Ninh Bình | Kim Sơn | 74 | 28 | -23 | -46 | 53 | 18 | 22 | -50 | 13 |
| Thanh Hóa | Quảng Xương | 70 | 28 | -19 | -48 | 51 | 17 | 26 | -51 | 15 |
| Nghệ An | Diễn Châu | 58 | 31 | -15 | -44 | 43 | 19 | 29 | -44 | 17 |
| | Hòn Ngư | 55 | 32 | -15 | -42 | 40 | 21 | 28 | -42 | 17 |
| Hà Tĩnh | Thạch Hà | 43 | 36 | -18 | -34 | 31 | 25 | 21 | -34 | 14 |
| Quảng Bình | Quảng Trạch | 16 | 45 | -26 | -11 | 10 | 35 | 4 | -14 | 0 |
| | Quảng Ninh | 1 | 45 | -24 | 1 | 0 | 35 | -1 | -3 | -4 |
| Quảng Trị | Gio Linh | -11 | 41 | -22 | 11 | -8 | 34 | -5 | 5 | -8 |
| | Còn Cỏ | -10 | 41 | -24 | 13 | -7 | 35 | -6 | 5 | -8 |
| Thừa Thiên Huế | Hương Trà | -23 | 35 | -19 | 19 | -16 | 30 | -8 | 14 | -13 |
| | Phú Lộc | -32 | 29 | -16 | 25 | -23 | 28 | -11 | 19 | -17 |
| TP. Đà Nẵng | Sơn Trà | -38 | 24 | -13 | 30 | -27 | 25 | -13 | 23 | -19 |
| | Hoàng Sa | -38 | 11 | -14 | 38 | -27 | 21 | -22 | 26 | -21 |
| Quảng Nam | Tam Kỳ | -43 | 20 | -12 | 36 | -31 | 25 | -18 | 27 | -20 |
| | Cù Lao Chàm | -41 | 21 | -11 | 34 | -29 | 25 | -15 | 25 | -20 |
| Quảng Ngãi | TP. Quảng Ngãi | -45 | 19 | -16 | 42 | -32 | 25 | -24 | 28 | -22 |
| | Lý Sơn | -42 | 17 | -14 | 40 | -30 | 24 | -22 | 28 | -20 |
| Bình Định | Phú Mỹ | -43 | 17 | -18 | 43 | -30 | 26 | -26 | 28 | -26 |
| | Quy Nhơn | -44 | 16 | -21 | 43 | -30 | 27 | -27 | 27 | -26 |
| Phú Yên | Tp. Tuy Hòa | -46 | 14 | -22 | 40 | -34 | 23 | -30 | 23 | -27 |
| Khánh Hòa | TP. Nha Trang | -43 | 20 | -16 | 45 | -30 | 27 | -25 | 26 | -23 |
| | Trường Sa | -37 | 11 | -13 | 42 | -21 | 20 | -19 | 24 | -11 |
| Ninh Thuận | TP. PR-Tháp Chàm | -51 | 19 | -21 | 46 | -37 | 25 | -28 | 25 | -27 |
| Bình Thuận | TP. Phan Thiết | -45 | 14 | 1 | 42 | -11 | 4 | 5 | 4 | 9 |
| | Phú Quý | -47 | 16 | -13 | 46 | -28 | 20 | -19 | 23 | -16 |
| Bà Rịa Vũng Tàu | Vũng Tàu | 43 | -77 | 94 | -33 | 81 | -83 | 97 | -76 | 91 |
| | Côn Đảo | 56 | -94 | 94 | -42 | 83 | -92 | 100 | -83 | 90 |
| TPHCM | Cần Giờ | 60 | -86 | 108 | -43 | 98 | -93 | 112 | -86 | 104 |
| Tiền Giang | Gò Công Tây | 66 | -87 | 115 | -46 | 105 | -97 | 119 | -92 | 112 |
| Bến Tre | Ba Tri | 72 | -90 | 126 | -49 | 111 | -100 | 127 | -97 | 119 |
| Trà Vinh | Duyên Hải | 80 | -110 | 130 | -63 | 116 | -115 | 132 | -108 | 122 |
| Sóc Trăng | Tân Phú | 103 | -130 | 143 | -72 | 129 | -126 | 142 | -112 | 127 |
| Bạc Liêu | TP. Bạc Liêu | 123 | -143 | 140 | -70 | 130 | -123 | 132 | -98 | 114 |
| Cà Mau | Năm Căn | 99 | -111 | 102 | -42 | 94 | -88 | 98 | -61 | 74 |
| | Trần Văn Thời | 43 | -27 | 32 | -6 | 35 | -32 | 41 | -15 | 33 |
| Kiên Giang | Rạch Giá | 23 | 11 | 1 | 9 | 14 | 2 | 10 | 4 | 15 |
| | Phú Quốc | 22 | 19 | 6 | 13 | 5 | 10 | 7 | 18 | 2 |
| | Thổ Chu | 18 | 19 | 11 | 14 | 3 | 8 | 11 | 14 | 0 |

| Vùng Biển | Độ cao sóng biển dự báo trong 48 giờ | | |
|---|---|---|---|
| | Độ cao sóng lớn nhất (m) | Hướng thịnh hành | Ghi chú |
| Bắc vịnh Bắc Bộ | 0.3 - 0.9 | Đông Nam, Đông | |
| Nam vịnh Bắc Bộ | 0.7 - 1.1 | Đông Nam, Đông | |
| Quảng Trị đến Quảng Ngãi | 0.6 - 1.2 | Đông | |
| Bình Định đến Ninh Thuận | 0.6 - 1.0 | Đông, Đông Bắc | |
| Bình Thuận đến Cà Mau | 0.3 - 1.4 | Đông Bắc, Đông | |
| Cà Mau đến Kiên Giang | 0.3 - 1.0 | Đông, Đông Nam | |
| Quần đảo Hoàng Sa | 0.9 - 1.3 | Đông | |
| Quần đảo Trường Sa | 0.9 - 1.1 | Đông Bắc | |
| Bắc Biển Đông | 0.9 - 2.7 | Đông Bắc, Đông | Cảnh báo |
| Giữa Biển Đông | 0.4 - 1.7 | Đông Bắc | |
| Nam Biển Đông | 0.5 - 1.2 | Đông Bắc | |

***Tin phát lúc:*** **13 giờ 00**

Thời điểm phát tin dự báo tiếp theo: 13 giờ 00 ngày 06/03/2022

Người xây dựng bản tin: Nguyễn Thị Lan

Người soát bản tin: Lê Quốc Huy

**Biến trình mực nước tổng cộng tại 10 trạm Hải văn**

*(Cửa Ông, Hòn Dáu, Bạch Long Vĩ, Hòn Ngư, Sơn Trà, Quy Nhơn, Phú Quý, Vũng Tàu, Rạch Giá, Phú Quốc)*

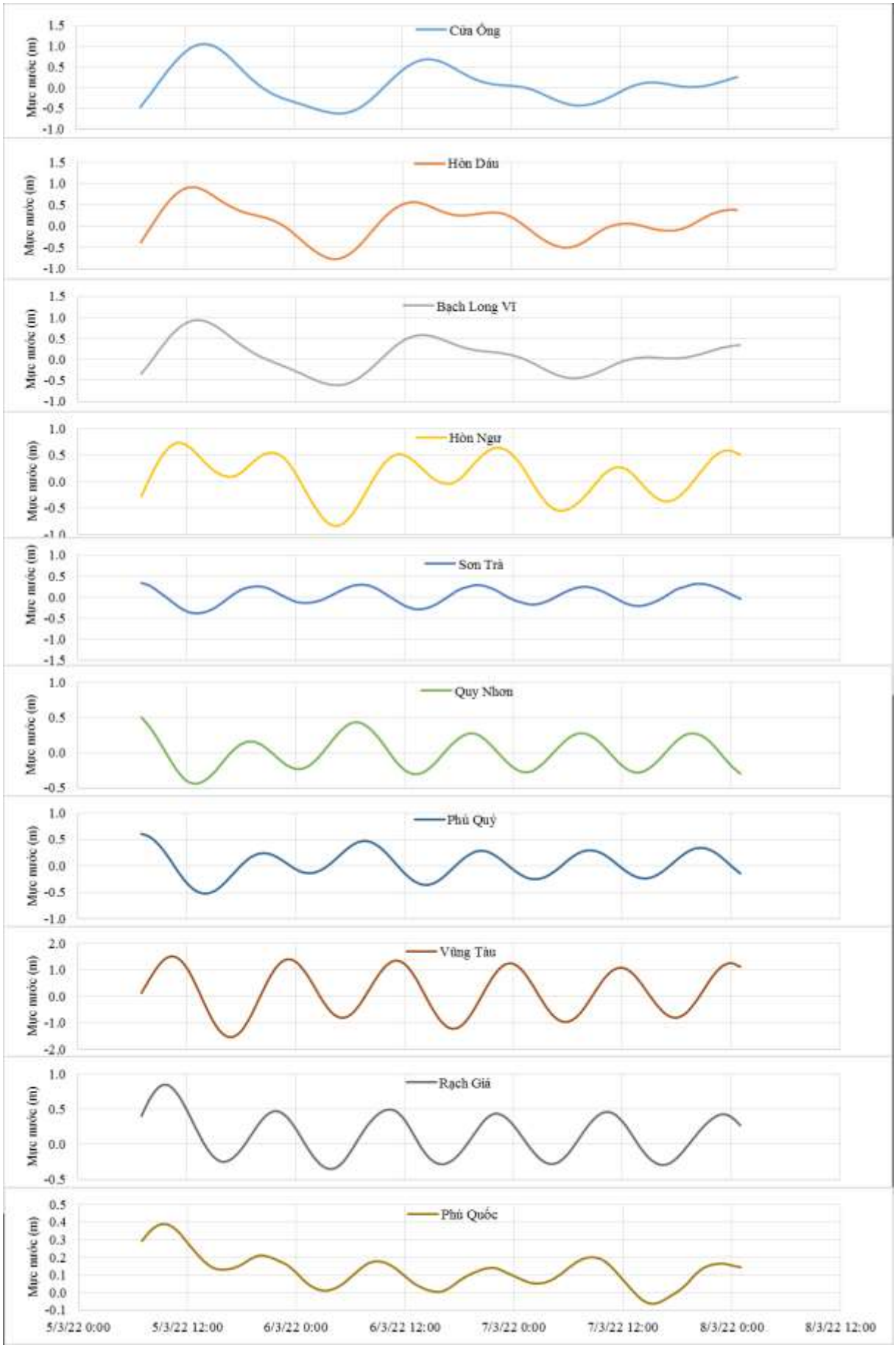

# Phân bố độ cao sóng ven bờ và ngoài khơi biển Việt Nam

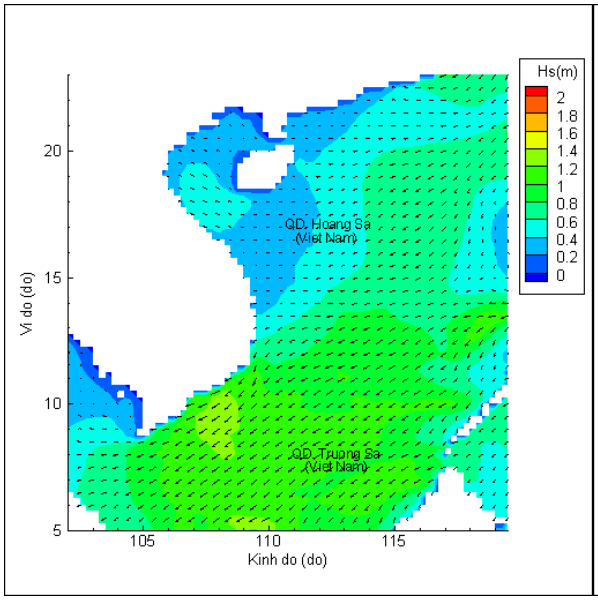


Lúc 13h ngày 05/03/2022

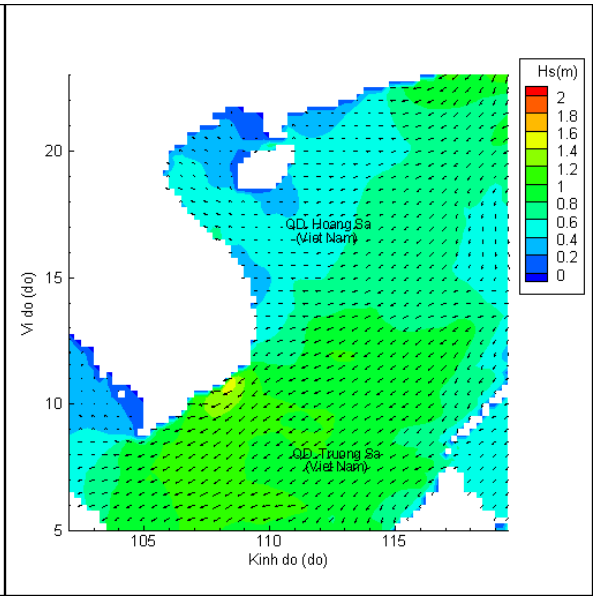


Lúc 19h ngày 05/03/2022

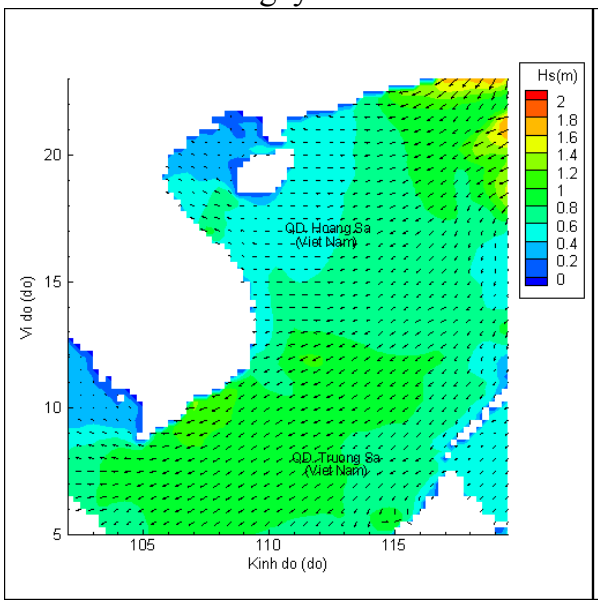


Lúc 01h ngày 06/03/2022

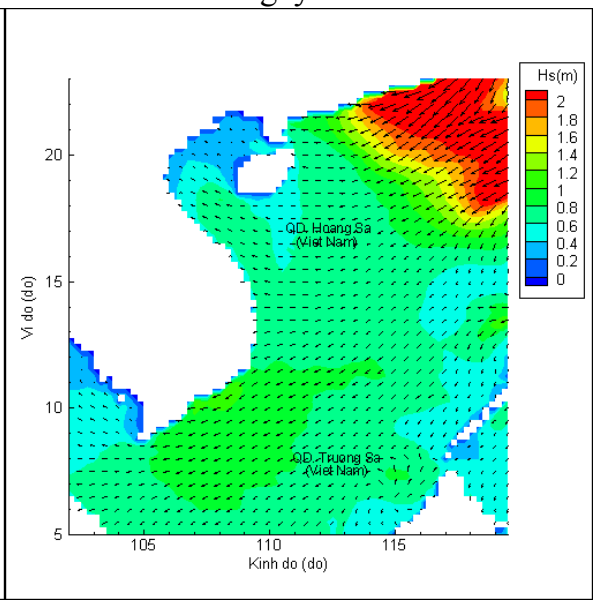


Lúc 13h ngày 06/03/2022

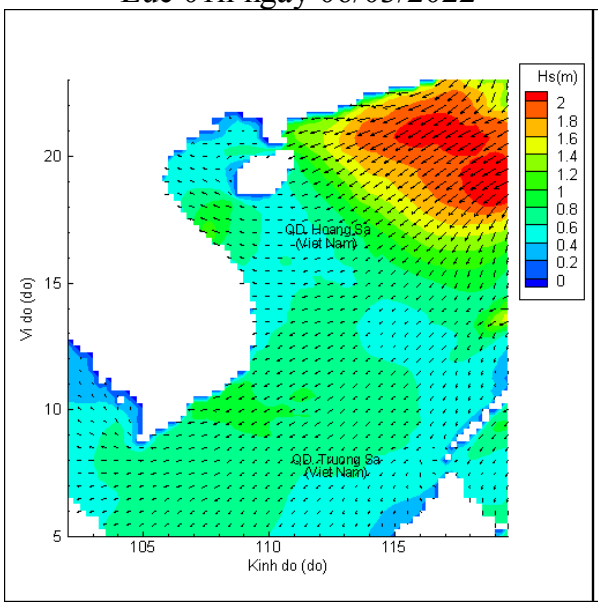


Lúc 01h ngày 07/03/2022

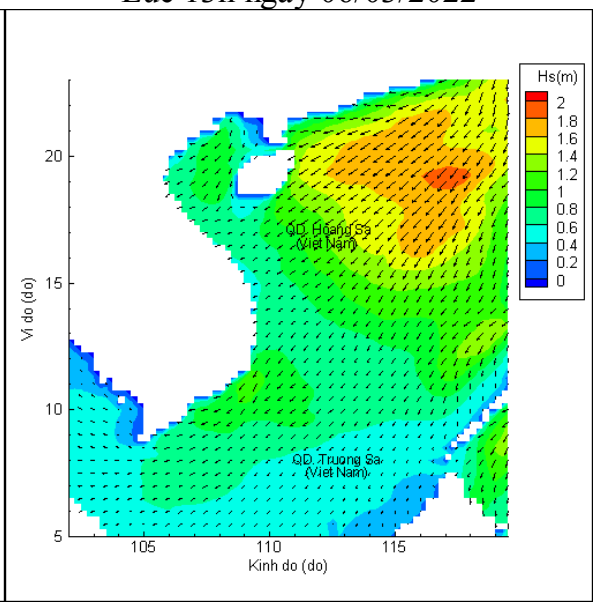


Lúc 13h ngày 07/03/2022